

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/DS-ST

Ngày: 24-8-2020

V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt.

2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Phụng H; địa chỉ: 19/1/4 đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị T; địa chỉ: 572 đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-12-2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Phụng H trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên bà cho bà Đinh Thị T vay các khoản tiền sau đây:

- Ngày 18-01-2008, bà cho bà T vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng. Bà T đã tự ý sửa chữa năm “2008” thành năm “2009” trong giấy vay.

- Ngày 14-01-2009, bà cho bà T vay thêm 5.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay.

- Ngày 30-01-2009, bà cho bà T vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay từ 1 đến 2 tháng.

- Ngày 02-11-2009, bà cho bà T vay 20.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay.

Hai bên có thỏa thuận lãi suất của các khoản vay này là 4%/tháng nhưng không ghi vào các giấy vay. Tổng cộng bà T vay của bà 40.000.000 đồng. Từ khi vay cho đến nay, bà T có trả cho bà 6.400.000 đồng tiền lãi.

Từ năm 2009 đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền vay cho bà nhưng bà T cứ hứa mà không thực hiện.

Nay bà yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng. Bà không yêu cầu bà T phải trả tiền lãi của số tiền nợ gốc này cho bà.

2. *Tại bản tự khai ngày 06-01-2020 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Đinh Thị T trình bày:*

Do quen biết nên trong các năm 2008 và 2009, bà có chơi các chân hụi 1.000.000 đồng/tháng và 2.000.000 đồng/tháng với bà Lê Thị Phượng H. Các chân hụi này bà đều hốt trước nên bà H yêu cầu bà viết Giấy vay tiền để tránh tình trạng người hốt hụi trước sẽ chạy làng, không đóng hụi nữa.

Ngày 18-01-2008, bà viết Giấy vay tiền với số tiền 15.000.000 đồng, thời gian vay tiền là 3 tháng (trong giấy vay này, bà H đã tự ý sửa năm “2008” thành năm “2009” và giao nộp bản photocopy cho Tòa án để khởi kiện bà), cụ thể: Ngày 18-01-2008, vay 10.000.000 đồng và ngày 14-01-2009, vay 5.000.000 đồng. Ngày 30-01-2009, bà viết Giấy vay tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay tiền là 2 tháng. Ngày 02-11-2009, bà viết Giấy vay tiền là 20.000.000 đồng, không ghi thời gian vay tiền. Tổng cộng, bà có viết giấy nợ tiền chơi hụi cho bà H tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Bà công nhận các chữ viết trong các giấy vay mà bà H cung cấp đều do bà viết và ký ghi rõ họ và tên.

Từ năm 2009 đến ngày 04-12-2015, bà đã trả dần số tiền hụi còn nợ cho bà H đủ 40.000.000 đồng. Bà H đã ghi sổ tính toán bà trả số tiền nợ cuối cùng là 14.300.000 đồng và bà H đã ghi “*đóng đến ngày 04-12-2015 hết*”.

Mỗi lần bà trả nợ cho bà H, bà H không viết giấy biên nhận tiền cho bà. Vì vậy, bà không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà về việc bà đã trả 40.000.000 đồng cho bà H.

Như vậy, bà không còn nợ tiền của bà H nữa, bà H khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho bà H số tiền còn nợ 40.000.000 đồng là hoàn toàn vô lý.

Mặt khác, bà nợ tiền của bà H từ năm 2009, trong đó có 20.000.000 đồng có thời hạn vay nợ 2-3 tháng. Nhưng đến nay, mặc dù bà đã trả hết số tiền nợ cho bà H, nhưng bà H vẫn khởi kiện đòi nợ tiền, thì đã hết thời hiệu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Phụng H khởi kiện đòi lại tiền phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị T có nơi cư trú tại thành phố P nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Về nội dung vụ án:

- Ngày 18-01-2008, bà H cho bà T vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng.

- Ngày 14-01-2009, bà H cho bà T vay 5.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay.

- Ngày 30-01-2009, bà H cho bà T vay 5.000.000 đồng, thời hạn vay từ 1 đến 2 tháng.

- Ngày 02-11-2009, bà H cho bà T vay 20.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay.

Tất cả các giấy vay tiền đều không thể hiện việc hai bên có thỏa thuận lãi suất hay không.

Khi vay, các bên có lập văn bản và ký xác nhận việc vay tiền. Bà H đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà T không trả nợ gốc mà chỉ trả cho bà H 6.400.000 đồng tiền lãi. Do bên vay không tự nguyện trả nợ nên bà H yêu cầu Tòa án xử buộc bà T phải trả cho bà H 40.000.000 đồng nợ gốc theo “*Giấy vay tiền*” ngày 18-01-2008, ngày 14-01-2009; “*Giấy vay tiền*” ngày 30-01-2009 và “*Giấy mượn tiền*” ngày 02-11-2009.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà T được giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà H khởi kiện là có căn cứ.

Ngày 18-12-2019, bà H khởi kiện đối với các khoản vay 10.000.000 đồng ngày 18-01-2008, thời hạn vay là 3 tháng và khoản vay 5.000.000 đồng ngày 30-01-2009, thời hạn vay từ 1 đến 2 tháng.

Bà T cho rằng, bà H khởi kiện bà là không có căn cứ vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Trường hợp này, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đã hết thời hiệu khởi kiện, nên bà H có quyền đòi bà T trả lại tài sản là 15.000.000 đồng mà bà T đang quản lý, chiếm hữu.

Đối với khoản vay 5.000.000 đồng ngày 14-01-2009 và khoản vay 20.000.000 đồng ngày 02-11-2009, các bên không thỏa thuận thời hạn vay, bà H

chỉ yêu cầu bà T trả nợ gốc và không yêu cầu bà T trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử sẽ buộc bà T trả 25.000.000 đồng nợ gốc.

Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ buộc bà T phải trả cho bà H tổng cộng 40.000.000 đồng nợ gốc.

Do bà H không yêu cầu bà T phải trả lãi của 40.000.000 đồng nêu trên, nên Hội đồng xét xử không giải quyết và không đề cập trong phần quyết định của bản án.

Tham gia tố tụng, bà T thừa nhận các chữ viết trong các giấy vay mà bà H cung cấp đều do bà viết và ký ghi rõ họ và tên. Từ năm 2009 đến ngày 04-12-2015, bà T đã trả dần số tiền hui còn nợ cho bà H đủ 40.000.000 đồng. Bà T cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy viết tay vào mặt sau tờ lịch ngày 14-3-2014 có các chữ viết của bà H thể hiện bà H đã ghi sổ tính toán bà T trả số tiền nợ cuối cùng là 14.300.000 đồng và bà H đã ghi “*đóng đến ngày 04-12-2015 hết*”. Mỗi lần bà T trả nợ cho bà H, bà H không viết giấy biên nhận tiền cho bà T. Vì vậy, bà T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà về việc bà đã trả 40.000.000 đồng cho bà H.

Tại phiên tòa, bà H trình bày rằng: Bản gốc giấy viết tay vào mặt sau tờ lịch ngày 14-3-2014 mà bà T cung cấp cho Tòa án là lần hốt hui cuối cùng của bà T nên bà đã tính toán số tiền hui mà bà T được nhận là 30.300.000 đồng, bà đã trừ đi 13.000.000 đồng tiền hui mà bà T còn nợ của bà trước đó và 3.000.000 đồng tiền ngày mà bà T vay chưa đóng cho bà, bà đưa cho bà T số tiền hui còn lại là 14.300.000 đồng. Cho nên nội dung được viết tại tờ lịch này không liên quan đến số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc mà bà khởi kiện bà T.

Vì bà H không thừa nhận lời khai của bà T và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình về việc bà đã trả cho bà H 40.000.000 đồng nợ gốc nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định lời khai của bà T là đúng sự thật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 169, 256, 280, 281, 471, 474 và 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phụng H.

Buộc bà Đinh Thị T phải trả cho bà Lê Thị Phụng H 40.000.000 đồng nợ gốc.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đinh Thị T phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Phụng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Lê Thị Phụng H 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002261 ngày 31-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền